THỰC TRẠNG THU HÚT FDI CÔNG NGHỆ CAO HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Vũ Minh* - ThS. La Văn Thủy* - Nguyễn Thị Minh Anh**

Nghiên cứu tập trung phân tích vai trò và tác động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) công nghệ cao đối với mục tiêu tăng trưởng bền vững của Việt Nam. Trên cơ sở lý luận về FDI công nghệ cao và tăng trưởng bền vững, bài viết nhấn mạnh mối quan hệ giữa đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và sự phát triển hài hòa về kinh tế - xã hội - môi trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy FDI công nghệ cao chỉ thực sự thúc đẩy tăng trưởng bền vững khi gắn liền với nâng cao năng lực nội tại, chính sách chọn lọc nhà đầu tư và xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

• Từ khóa: *FDI công nghệ cao; tăng trưởng bền vững; chuyển giao công nghệ.*

This study focuses on analyzing the role and impact of high-tech foreign direct investment (FDI) on Vietnam's sustainable growth goals. Based on the theoretical framework of high-tech FDI and sustainable growth, the article emphasizes the relationship between technological innovation, productivity enhancement, and harmonious socio-economic and environmental development. The research results show that high-tech FDI only truly promotes sustainable growth when linked to enhancing domestic capacity, selective investor policies, and building a national innovation ecosystem.

• Key words: *high-tech FDI; sustainable growth; technology transfer.*

Ngày nhận bài: 20/01/2026
Ngày gửi phản biện: 21/02/2026
Ngày duyệt đăng: 03/3/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i309.05

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa bước sang giai đoạn mới với đặc trưng là Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển dịch chuỗi cung ứng sau đại dịch và xu hướng phát triển bền vững theo các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, Việt Nam đang định hình lại chiến lược thu hút FDI theo hướng có chọn lọc, ưu tiên công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, thân thiện với môi trường và gắn với nâng cao năng lực nội tại. Đặc biệt, Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị (2019) đã xác định rõ yêu cầu "nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài trong thời kỳ mới". Trong khi đó, tăng trưởng bền vững đang là yêu cầu chiến lược đối với nền kinh tế Việt Nam, nhằm cân bằng giữa mục tiêu phát triển kinh tế, đảm bảo tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Việc thu hút và khai thác hiệu quả dòng vốn FDI công nghệ cao không chỉ góp phần nâng cao năng suất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mà còn tạo điều kiện để nền kinh tế Việt Nam phát triển theo hướng xanh, bao trùm và đổi mới sáng tạo.

2. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận về FDI công nghệ cao

FDI công nghệ cao (High-tech FDI) là hình thức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào các lĩnh vực có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao, bao gồm: công nghệ thông tin - truyền thông (ICT), sản xuất thiết bị điện tử, công nghệ sinh học, tự động hóa, vật liệu mới, năng lượng tái tạo, nghiên cứu và phát triển (R&D)… Theo OECD (2020), FDI công nghệ cao không chỉ tạo ra sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc lan tỏa tri thức và cải thiện năng lực đổi mới của nước chủ nhà. Đặc điểm nổi bật của FDI công nghệ cao là: (i) hàm lượng R&D lớn; (ii) yêu cầu cao về nguồn nhân lực chất lượng; (iii) đóng góp tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế; và (iv) khả năng kết nối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo địa phương. Không giống như các dòng FDI truyền thống chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên hoặc chi phí lao động thấp, FDI công nghệ cao đòi hỏi quốc gia tiếp nhận phải có nền tảng thể chế, hạ tầng công nghệ và nguồn nhân lực phù hợp.

Cơ sở lý luận về tăng trưởng kinh tế bền vững

Tăng trưởng kinh tế bền vững là quá trình tăng

** Học viện Tài chính*
*** CQ61/11.12CLC, Học viện Tài chính*

trưởng liên tục và ổn định về quy mô kinh tế, đi kèm với sự đảm bảo về mặt xã hội và môi trường, nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu của họ (Brundtland Report, 1987). Theo WB (2022), tăng trưởng bền vững không chỉ đo lường bằng GDP, mà còn dựa trên các yếu tố như công bằng xã hội, năng suất dài hạn, khả năng chống chịu và mức độ phát thải carbon. Hiện nay tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu chỉ ra tăng trưởng bền vững đòi hỏi phải giải quyết hài hòa các mục tiêu: duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, nâng cao năng suất, giảm phát thải và bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng sống và thu hẹp bất bình đẳng.

Mối quan hệ giữa FDI công nghệ cao và tăng trưởng kinh tế bền vững

Theo lý thuyết tăng trưởng nội sinh (Romer, 1990), công nghệ là yếu tố quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế dài hạn. FDI công nghệ cao, khi được thu hút và quản lý hiệu quả, có thể góp phần tạo ra chuỗi lan tỏa về công nghệ, nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), thúc đẩy đổi mới sáng tạo và góp phần chuyển dịch cơ cấu sang các ngành có giá trị gia tăng cao - qua đó thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Nghiên cứu của Borensztein và cộng sự (1998) cho thấy FDI chỉ thực sự thúc đẩy tăng trưởng khi nước tiếp nhận có trình độ nhân lực đủ để tiếp thu và nội địa hóa công nghệ. Tương tự, Wang (2010) khẳng định FDI công nghệ cao tác động tích cực đến tăng trưởng dài hạn thông qua kênh cải thiện năng suất và phát triển công nghiệp phụ trợ. Một số nghiên cứu trong nước như CIEM (2022), UNDP (2021) cũng chỉ ra rằng FDI công nghệ cao đang trở thành xu hướng chủ đạo và có tiềm năng hỗ trợ Việt Nam đạt các mục tiêu phát triển bền vững nếu đi kèm với chính sách lựa chọn nhà đầu tư phù hợp, nâng cao năng lực nội sinh và cải thiện môi trường đầu tư.

3. Thực trạng thu hút FDI công nghệ cao vào Việt Nam với mục tiêu tăng trưởng bền vững

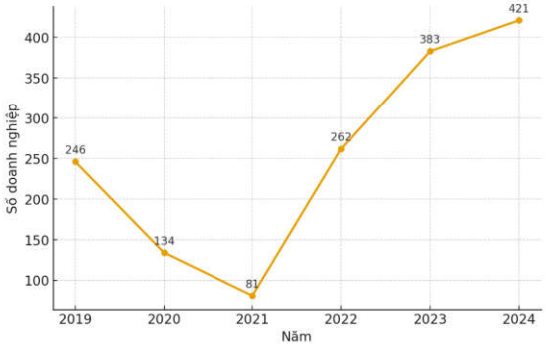
Trong những năm gần đây, Việt Nam đã nổi lên như một điểm đến hấp dẫn trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đối với các dòng vốn FDI công nghệ cao. Sự chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu sau đại dịch COVID-19, xung đột thương mại Mỹ - Trung và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) đã tạo ra "làn sóng dịch chuyển" các tập đoàn đa quốc gia sang Việt Nam. Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến cuối năm 2024, Việt Nam đã thu hút hơn 40 tỷ USD FDI trong lĩnh vực công nghệ cao, chiếm khoảng 30% tổng vốn FDI mới đăng ký từ năm 2020 đến 2024 (MPI, 2024). Trong năm 2024 đã có 114 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam, Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 10,21 tỷ USD, chiếm hơn 26,7% tổng vốn đầu tư, tăng 31,4% so với năm 2023. Hàn Quốc đứng thứ hai với gần 7,06 tỷ USD, chiếm 18,5% tổng vốn đầu tư, tăng 37,5% so với năm 2023. Tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản,… Từ giai đoạn 2019, Việt Nam chứng kiến dòng FDI có chọn lọc và mũi nhọn, bắt nguồn từ nhiều doanh nghiệp công nghệ toàn cầu như Samsung, Intel, Amkor, LG, Quanta... Công nghệ cao - đặc biệt là bán dẫn, AI, data center và năng lượng xanh - đã trở thành lĩnh vực trọng điểm thu hút FDI.

Bảng 3.1: Thống kê FDI công nghệ cao tại Việt Nam giai đoạn 2019 -2024

	Số dự án công nghệ cao (ước tính)	Tổng vốn đăng ký (tỷ USD)	Lĩnh vực tiêu biểu
2019	34	2.4	Linh kiện điện tử, năng lượng tái tạo
2020	28	2.1	Trung tâm dữ liệu, fintech
2021	40	3.3	AI, sản xuất chip, điện mặt trời
2022	52	4.5	Bán dẫn, logistics kỹ thuật số, bio-tech
2023	68	6.2	Trung tâm dữ liệu, bán dẫn, AI
2024	74	7.1	Trung tâm dữ liệu, AI, sản xuất bán dẫn

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả

Biểu 3.1: Số lượng DN Việt Nam được các DN FDI chuyển giao công nghệ 2019 - 2024



Nguồn: Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ

Theo Cục Đầu tư nước ngoài, hơn 10 năm trở lại đây, đã có nhiều dự án FDI đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao tại Việt Nam. Tiên phong cho hoạt động này phải kể đến các nhà đầu tư Nhật Bản, Hàn Quốc với sự góp mặt của những tập đoàn lớn như: Sanyo, Samsung, Sony, Matsushita, Fujitsu,

Toshiba,... FDI công nghệ cao tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như điện tử - viễn thông, thiết bị bán dẫn, sản phẩm công nghệ thông minh, và gần đây là năng lượng tái tạo và trung tâm dữ liệu. Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, ngành chế biến, chế tạo chiếm hơn 60% tổng vốn FDI công nghệ cao, trong đó ngành điện tử chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Giai đoạn từ năm 2019 đến 2021 ghi nhận sự giảm sút đáng kể trong hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, với số lượng doanh nghiệp trong nước nhận công nghệ dao động trong khoảng từ 134 đến 246; do nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm tình hình bất ổn kinh tế toàn cầu và các căng thẳng thương mại giữa các cường quốc kinh tế hàng đầu như Hoa Kỳ và Trung Quốc. Đến năm 2021 - 2022, đại dịch Covid-19 đã làm gia tăng các hạn chế di chuyển quốc tế và kéo theo những bất ổn kinh tế kéo dài, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của các doanh nghiệp FDI trong việc thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, giai đoạn 2022 - 2023 chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ. Sự phục hồi này không chỉ phản ánh quá trình hồi phục kinh tế sau đại dịch mà còn cho thấy sự lạc quan ngày càng gia tăng từ phía các nhà đầu tư nước ngoài về triển vọng phát triển của Việt Nam trong tương lai.

4. Tác động thu hút FDI công nghệ cao với tăng trưởng bền vững kinh tế Việt Nam

Tác động tích cực

FDI công nghệ cao có tác động tích cực sâu rộng đến tăng trưởng bền vững của nền kinh tế Việt Nam trên cả ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và môi trường. Về kinh tế, FDI công nghệ cao góp phần nâng cao năng suất lao động, giá trị gia tăng và cải thiện cơ cấu xuất khẩu thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại, quy trình sản xuất tiên tiến và hàm lượng tri thức cao. Các doanh nghiệp như Samsung, Intel, LG không chỉ chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu mà còn lan tỏa giá trị sang các ngành công nghiệp hỗ trợ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Về xã hội, FDI công nghệ cao tạo ra việc làm chất lượng cao, nâng cao kỹ năng lao động thông qua hợp tác đào tạo giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục, góp phần hình thành nguồn nhân lực công nghệ cao. Bên cạnh đó, các dự án FDI tập trung ở các địa phương trọng điểm như Hà Nội, Bắc Ninh, TP.HCM giúp hình thành trung tâm công nghệ và cực tăng trưởng mới, qua đó giảm chênh lệch vùng miền và thúc đẩy đô thị hóa bền vững. Về môi trường, FDI công nghệ cao thúc đẩy sản xuất sạch, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và lan tỏa mô hình sản xuất xanh trong khu vực doanh nghiệp nội địa. Đồng thời, khu vực này còn hỗ trợ Việt Nam thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) như tăng trưởng kinh tế bền vững, phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường. Nhờ vậy, FDI công nghệ cao trở thành động lực quan trọng giúp Việt Nam đạt được sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

Một số hạn chế

Mặc dù FDI công nghệ cao mang lại nhiều lợi ích, song tác động của nó đối với tăng trưởng bền vững của Việt Nam vẫn còn hạn chế. Trước hết, hiệu ứng lan tỏa công nghệ từ khu vực FDI sang doanh nghiệp trong nước chưa rõ rệt do năng lực hấp thụ công nghệ yếu, trình độ quản trị và R&D còn hạn chế, trong khi liên kết giữa FDI và doanh nghiệp nội địa còn lỏng lẻo. Thứ hai, tình trạng "lắp ráp, gia công" vẫn phổ biến khi phần lớn dự án FDI chỉ tập trung vào công đoạn hạ nguồn, còn các khâu có giá trị gia tăng cao như thiết kế, nghiên cứu hay kiểm soát công nghệ cốt lõi vẫn do công ty mẹ nước ngoài đảm nhiệm. Điều này khiến Việt Nam chủ yếu hưởng lợi từ lao động giá rẻ mà chưa nâng cao năng lực công nghệ nội sinh. Cuối cùng, nền kinh tế còn phụ thuộc mạnh vào chuỗi cung ứng toàn cầu, dễ bị tổn thương trước các cú sốc bên ngoài và thiếu tính tự chủ do công nghiệp hỗ trợ trong nước yếu. Vì vậy, để FDI công nghệ cao thực sự trở thành động lực cho phát triển bền vững, Việt Nam cần có chiến lược chọn lọc nhà đầu tư, tăng cường năng lực doanh nghiệp nội địa và xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vững mạnh.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030, Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 667/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

CIEM (2022), Báo cáo thường niên Kinh tế Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

UNCTAD (2023), World Investment Report 2023: Investing in Sustainable Energy for All, Geneva.

OECD (2020), FDI Qualities Indicators: Measuring the sustainable development impacts of investment, Paris.

OECD (2020), FDI Qualities Policy Toolkit.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2022), Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đến năm 2030.

Tổng cục Thống kê (2023), Niên giám Thống kê Việt Nam.

Bộ KH&ĐT (2021), Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030.